

Số: 07/2021/QĐST- KDTM

M, ngày 26 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 21 /2020/TLST- KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ**

Trụ sở chính: 130 Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo uỷ quyền:

- Bà Nguyễn Thị N

Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Mỹ

- Bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Nhân viên Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: Số 60 Nguyễn Văn Linh, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn T, xã C, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và anh Phạm Văn H đều thống nhất:

- Anh Phạm Văn H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tính đến ngày 09/4/2021 theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số K.0015/1219 ngày 21/02/2019 tổng cộng là 461.626.963 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 401.300.000 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 49.696.656 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 10.630.307 đồng;

2.2 Về phương án trả nợ chia làm 09 kỳ:

+ Kỳ 1: Chậm nhất đến ngày 20/4/2021 anh H phải thanh toán cho ngân hàng 5.000.000 đồng nợ gốc.

+ Kỳ 2: Chậm nhất đến ngày 20/5/2021 anh H phải thanh toán cho ngân hàng 5.000.000 đồng nợ gốc.

+ Kỳ 3: Chậm nhất đến ngày 20/6/2021 anh H phải thanh toán cho ngân hàng 5.000.000 đồng nợ gốc.

+ Kỳ 4: Chậm nhất đến ngày 20/7/2021 anh H phải thanh toán cho ngân hàng 5.000.000 đồng nợ gốc.

+ Kỳ 5: Chậm nhất đến ngày 20/8/2021 anh H phải thanh toán cho ngân hàng 5.000.000 đồng nợ gốc.

+ Kỳ 6: Chậm nhất đến ngày 20/9/2021 anh H phải thanh toán cho ngân hàng 5.000.000 đồng nợ gốc.

+ Kỳ 7: Chậm nhất đến ngày 20/10/2021 anh H phải thanh toán cho ngân hàng 5.000.000 đồng nợ gốc.

+ Kỳ 8: Chậm nhất đến ngày 20/11/2021 anh H phải thanh toán cho ngân hàng 5.000.000 đồng nợ gốc.

+ Kỳ 9: Chậm nhất đến ngày 25/12/2021 anh Phạm Văn H phải thanh toán cho ngân hàng toàn bộ số nợ còn lại gồm nợ gốc 361.300.000 đồng; nợ lãi trong hạn 49.696.656 đồng, nợ lãi quá hạn 10.630.307 đồng và nợ lãi phát sinh kể từ ngày 10/4/2021 trên số nợ gốc chưa thanh toán tại các kỳ trả nợ theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung hạn số K.0015/1219 ngày 21/02/2019 cho đến ngày anh Phạm Văn H trả hết nợ gốc cho ngân hàng.

2.3 Trường hợp anh Phạm Văn H vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào cho Ngân hàng thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai; số khung: 41FBKN014368, số máy: G4NAJU787994, giấy chứng nhận đăng ký xe số: 033641, biển kiểm soát 89A-160.41 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Phạm Văn H theo Hợp đồng thế chấp số K.0015/TC19 ngày 21/02/2019 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Trường hợp kê biên phát mại tài sản thế chấp không đủ thì anh Phạm Văn H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng đến khi thanh toán xong khoản nợ cho ngân hàng.

2.4. Anh Phạm Văn H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 11.232.500 đồng (Mười một triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm đồng) theo quy định của pháp luật.

Trả lại **Ngân hàng TMCP Đ** số tiền tạm ứng án phí là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004342 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã M;
- Chi cục THADS thị xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Trần Ngọc Lâm